

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 02 (87) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

Tap chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 02 năm 2025

Năm thứ mười tám

Mục lục

1. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk: Rào cản và giải pháp..... **3**
Nguyễn Duy Thụy
2. Thực trạng bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam và một số vấn đề đặt ra **10**
Trần Minh Đức, Vũ Thị Ngọc
3. Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai của Liên Hợp Quốc và những vấn đề đặt ra cho thế giới và Việt Nam..... **19**
Nguyễn Văn Lịch, Phạm Thị Phương Anh
4. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua và sử dụng xe máy điện của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội **27**
Nguyễn Danh Nam, Ưông Thị Ngọc Lan
5. Phát triển kinh tế lâm nghiệp tại các huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam **37**
Nguyễn Hoàng Yến
6. Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ và eWOM đến ý định quay lại các điểm đến du lịch biển Phú Yên: Vai trò của niềm tin và giá trị cảm nhận **46**
Lê Đức Tâm
7. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận chuyển khách du lịch bằng taxi tại thành phố Nha Trang... **56**
Lê Chí Công, Bùi Thị Thúy Vân
8. Vận dụng mô hình SCP phát triển thị trường cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long – Nghiên cứu trường hợp tỉnh Tiền Giang **64**
Mai Văn Xuân, Đỗ Đoàn Trang, Phan Phùng Phú, Mai Lệ Quyên
9. Văn hóa doanh nghiệp và sự gắn bó của người lao động với công việc: Nghiên cứu thực nghiệm cho các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Khánh Hòa **73**
Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Thị Hồng Đào
10. Xung đột xã hội về vấn đề môi trường tại tỉnh Quảng Ngãi trong bối cảnh công nghiệp hóa **81**
Nguyễn Thị Thanh Xuyên
11. Huy động, sử dụng nguồn nhân lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk **90**
Đinh Như Hoài
12. Về nhận diện và phân tích giá trị dân tộc vùng biên giới đất liền ở Việt Nam hiện nay..... **99**
Trần Thị Phương Anh, Hoàng Văn Chung
13. Biên chứng giữa văn hóa và môi trường: Nghiên cứu các giá trị và thực hành truyền thống của cộng đồng vùng đầm phá thành phố Huế **107**
Trần Mai Phương, Hồ Viết Hoàng
14. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay..... **115**
Trần Thị Hồng Hạnh
15. Công tác bổ dụng đội ngũ quan lại qua thi cử dưới triều Nguyễn (1802-1885)..... **124**
Nguyễn Thế Hà, Phan Thùy Giang
16. Vùng đất Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX..... **135**
Nguyễn Đình Cơ, Nguyễn Phương Đại
17. Khảo cứu, phê bình kịch hát trên tạp chí Bách Khoa..... **144**
Phạm Ngọc Hiền

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01/04/2024, Giấy phép bổ sung số 81/GP-BVHTTDL ngày 24/7/2025. Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 02 năm 2025. In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiểu tháng 06/2025.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 02, 2025

The 18th Year

Contents

1. Development of Agricultural Cooperatives in Dak Lak Province: Barriers and Solutions..... **3**
Nguyen Duy Thuy
2. The current situation of training in knowledge and professional skills for disseminating and educating environmental protection policies and laws in Quang Nam province and emerging issues..... **10**
Tran Minh Duc, Vu Thi Ngoc
3. The United Nations Future Summit and its implications for the world and Vietnam..... **19**
Nguyen Van Lich, Pham Thi Phuong Anh
4. Factors influencing university students' intention to purchase and use electric motorcycles in Hanoi..... **27**
Nguyen Danh Nam, Uong Thi Ngoc Lan
5. Developing forestry-based economic activities in the northern mountainous districts of Quang Nam Province..... **37**
Nguyen Hoang Yen
6. The influence of service quality and eWOM on revisit intention to Phu Yen coastal tourism destinations: The role of trust and perceived value..... **46**
Le Duc Tam
7. Enhancing the quality of tourist taxi services in Nha Trang city..... **56**
Le Chi Cong, Bui Thi Thuy Van
8. Applying the SCP Model to Develop the Pangasius Market in the Mekong Delta – A Case Study of Tien Giang Province..... **64**
Mai Van Xuan, Do Doan Trang, Phan Phung Phu, Mai Le Quyen
9. Corporate culture and employees' work engagement: An empirical study in FDI enterprises in Khanh Hoa province..... **73**
Le Huu Nghia, Nguyen Thi Hong Dao
10. Environmental-Related Social conflicts in Quang Ngai province in the context of industrialization.... **81**
Nguyen Thi Thanh Xuyen
11. Mobilizing and utilizing human resources for socio-economic development in ethnic minority areas of Dak Lak province..... **90**
Dinh Nhu Hoai
12. On identifying and analyzing the ethnic values of Vietnam's land border areas today **99**
Tran Thi Phuong Anh, Hoang Van Chung
13. The dialectics of culture and environment: A study on traditional values and practices among lagoon communities in Hue city..... **107**
Tran Mai Phuong, Ho Viet Hoang
14. Preserving and promoting the value of tangible cultural heritage in Hoa Vang District, Danang City in the current period..... **114**
Tran Thi Hong Hanh
15. The Appointment of Mandarins through Examinations under the Nguyễn Dynasty (1802–1885) .. **124**
Nguyen The Ha, Phan Thuy Giang
16. The land of Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) from the 17th century to the first half of the 19th century..... **135**
Nguyen Dinh Co, Nguyen Phuong Dai
17. Research, criticism of Vietnamese musical theater in Bach Khoa magazine **144**
Pham Ngoc Hien

Phát triển hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk: Rào cản và giải pháp

Nguyễn Duy Thụy

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Email liên hệ: thuycongquoc@gmail.com

Tóm tắt: Đắk Lắk có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp, trong đó kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển nông thôn. Đến năm 2023, toàn tỉnh có 783 hợp tác xã, trong đó 536 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Mặc dù số lượng và chất lượng hợp tác xã có xu hướng tăng, nhưng khu vực này vẫn gặp nhiều rào cản, như năng lực quản lý còn hạn chế, thiếu vốn, khó khăn trong tiếp cận thị trường và ứng dụng khoa học – công nghệ. Một số hợp tác xã hoạt động hình thức, thiếu liên kết với doanh nghiệp, hiệu quả kinh tế chưa rõ nét. Để phát triển hợp tác xã nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, cần có sự đánh giá đầy đủ các rào cản và đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế. Việc nhận diện đúng những hạn chế sẽ là cơ sở cho việc hoàn thiện chính sách, nâng cao năng lực hợp tác xã, từ đó thúc đẩy phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Đắk Lắk.

Từ khóa: Phát triển, hợp tác xã, nông nghiệp, Đắk Lắk

Development of Agricultural Cooperatives in Dak Lak Province: Barriers and Solutions

Abstract: Dak Lak has favorable conditions for agricultural development, with cooperative economics and agricultural cooperatives (ACs) playing a crucial role in enhancing production efficiency and rural development. By 2023, the province had 783 cooperatives, of which 536 operated in the agricultural sector. Although the number and quality of cooperatives are on the rise, the sector still faces several barriers, including limited management capacity, lack of capital, difficulties in accessing markets, and the application of science and technology. Some cooperatives are operating nominally, with weak connections to businesses and unclear economic effectiveness. To develop agricultural cooperatives effectively and sustainably, it is necessary to fully assess the barriers and propose solutions that are suitable for local conditions. Properly identifying these limitations will serve as the foundation for improving policies, enhancing cooperatives' capacities, thereby promoting agricultural development and rural construction in Dak Lak province.

Keywords: Development, cooperatives, agriculture, Dak Lak

Ngày nhận bài: 08/4/2025; **Ngày phản biện:** 10/4/2025; **Ngày duyệt đăng:** 08/5/2025

1. Đặt vấn đề

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở trung tâm của vùng Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên 13.070,41 km² (Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2022), dân số gần 1,9 triệu người với 49 dân tộc anh em cùng sinh sống (Tổng cục Thống kê, 2020). Với địa hình đặc trưng là cao nguyên, song Đắk Lắk lại sở hữu độ cao của một vùng cao nguyên thấp và tương đối bằng phẳng, tạo nên một bình nguyên rộng lớn. Là tỉnh có 24,81% diện tích đất đỏ bazan (Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2022) và khí hậu vừa mang nét chung của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng núi cao. Với những đặc điểm đó đã tạo nên nhiều thuận lợi trong việc phát triển sản xuất nông – lâm nghiệp với cơ cấu cây trồng đa dạng, phong phú, thích hợp phát triển với quy mô lớn của tỉnh (Nguyễn Duy Thụy, 2021). Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương, kinh tế tập thể ở Đắk Lắk đã có nhiều chuyển biến tích cực, số lượng và chất lượng các hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) ngày càng được nâng lên. Năm 2023, toàn tỉnh Đắk Lắk có 783 hợp tác xã (HTX), trong đó có 536 HTXNN (Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2024), chiếm hơn 68% tổng số HTX toàn tỉnh. HTXNN đóng vai trò nòng cốt trong hệ thống HTX tỉnh Đắk Lắk, đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết thêm nhiều công ăn việc làm và tăng thu nhập cho lao động địa phương. Tuy nhiên, sự phát triển HTXNN trên địa bàn

tỉnh Đắk Lắk vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi muốn làm rõ những rào cản và đưa ra một số hàm ý về giải pháp đối với sự phát triển của HTXNN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Vài nét về thực trạng hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk là tỉnh có tiềm năng lớn phát triển kinh tế nông nghiệp, do vậy từ trước đến nay, số lượng HTXNN trên địa bàn tỉnh luôn đứng ở vị trí cao nhất so với các loại hình HTX khác. Năm 2014, với 164 HTXNN trên địa bàn tỉnh là đã thu hút 30.260 thành viên tham gia (Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2014). Năm 2021, tỉnh Đắk Lắk có 377 HTXNN với tổng số thành viên là 11.968 người, bình quân mỗi HTX là 32 thành viên (Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2021). Đến năm 2023, tỉnh có 536 HTXNN với tổng số thành viên khoảng 15.833 người (Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2024).

Số lượng cán bộ quản lý trong HTX khoảng 2.385 người. Trong đó: số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ sơ cấp, trung cấp khoảng 936 người; số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ cao đẳng, đại học khoảng 421 người và chưa qua đào tạo bằng cấp chuyên môn là 1.028 người (Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đắk Lắk, 2023).

Bên cạnh sự tăng lên về số lượng, HTXNN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã có sự thay đổi về chất, cụ thể phần lớn các HTXNN đã tiếp cận về mô hình sản xuất gắn với chuỗi giá trị và có xu hướng tăng dần. Nhiều HTX kết nối với các doanh nghiệp để tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho các thành viên. *Trước hết*, HTX có thể cung cấp cho thành viên các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp như phân bón, hóa chất nông nghiệp, thức ăn, trang thiết bị sản xuất và kỹ thuật sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi gia súc cũng như các hàng hóa cần dùng cho nông hộ; *thứ hai*, các HTX giúp cho thành viên tiêu thụ các sản phẩm bằng cách thu gom, bảo quản, dự trữ và bán các sản phẩm nông nghiệp, vật nuôi dựa vào mạng lưới tiêu thụ sản phẩm; *thứ ba*, các HTX cung cấp dịch vụ, sản phẩm đến người tiêu dùng, cửa hàng và hệ thống phân phối.

Một số HTX có sản phẩm tham gia vào chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Đắk Lắk và được đánh giá xếp hạng từ mức 3 sao trở lên, trong đó phần lớn là sản phẩm thuộc các HTXNN. Năm 2020 đã có 12 HTXNN có sản phẩm tham gia chương trình OCOP cấp tỉnh Đắk Lắk được gắn sao cho sản phẩm, các lĩnh vực khác chưa có sản phẩm tham gia đánh giá xếp hạng. Đến năm 2023, số lượng các HTX tham gia chương trình OCOP đã tăng lên 27 hợp tác xã (Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, 2023), lúc này ngoài các sản phẩm thuộc HTXNN đã bắt đầu có mặt sản phẩm của các loại hình HTX khác. Chất lượng các sản phẩm HTXNN tham gia OCOP cũng ngày càng được nâng cao hơn.

Việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất như: công nghệ tưới nhỏ giọt, công nghệ sấy sản phẩm bằng lò sấy trống, công nghệ chế biến cà phê ướt, công nghệ rang, xay chế biến sản phẩm cà phê bột đạt tiêu chuẩn, sản xuất nấm và chăn nuôi ở các HTXNN ngày càng được quan tâm. Năm 2021 có 58 HTXNN ứng dụng công nghệ vào sản xuất, thì đến năm 2023 đã có 88 HTX. Việc ứng dụng các công nghệ cao, tiên tiến vào quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm ở các HTXNN đã giúp các HTX hoạt động hiệu quả hơn, sản phẩm được nâng cao chất lượng, mẫu mã, đáp ứng tốt hơn nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng.

Nhờ những thay đổi trong phương thức quản lý, nguồn nhân lực được nâng cao, chất lượng sản phẩm ngày càng được cải tiến, nên hiệu quả hoạt động của các HTXNN ở tỉnh Đắk Lắk cũng được nâng lên nhiều so với trước. Theo số liệu thống kê, thu nhập bình quân một thành viên HTXNN năm 2013 chỉ đạt 10,44 triệu đồng (Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk 2014), đến năm 2021 đạt 27 triệu đồng. Bình quân lợi nhuận của HTXNN năm 2021 khoảng 130 triệu đồng, tăng 4,6% so với năm 2020 (Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2022). Tỷ lệ các HTXNN được phân loại ở mức trung bình, khá giỏi cũng tăng lên so với những năm trước (*xem bảng 1*).

Từ kết quả ở bảng 1 cho thấy, giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020, tổng số HTXNN tại tỉnh Đắk Lắk tăng mạnh từ 164 lên 339 HTX, tương đương tăng 107% trong vòng 6 năm. Đây là mức tăng trưởng thể hiện sự mở rộng đáng kể về quy mô hệ thống HTX của tỉnh. Nếu tính trung bình hàng năm, tốc độ tăng trưởng đạt khoảng 12,6%/năm – một con số ấn tượng trong bối cảnh phát triển kinh tế tập thể tại địa phương. Điều này phản ánh sự phát triển đáng kể về số lượng HTXNN trong bối cảnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Bảng 1: Kết quả phân loại chất lượng HTX nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk

STT	Kết quả phân loại	Năm			
		2014		2020	
		Số lượng HTX	Tỷ lệ (%)	Số lượng HTX	Tỷ lệ (%)
1	Khá giỏi	41	25	85	25
2	Trung bình	90	55	203	60
3	Yếu kém	33	20	51	15
Tổng cộng		164	100	339	100

(Nguồn: Tổng hợp báo cáo từ Liên minh HTX tỉnh Đắk Lắk)

Tuy nhiên, khi phân tích về chất lượng hoạt động của các HTX, có một số điểm đáng chú ý, cụ thể:

Thứ nhất, nhóm HTX khá, giỏi tăng từ 41 lên 85 HTX (tăng hơn gấp đôi). Tuy nhiên, tỷ lệ duy trì ở mức 25% không thay đổi qua hai thời điểm. Điều này cho thấy, mặc dù số lượng HTX khá giỏi tăng, nhưng tốc độ tăng này chưa theo kịp với tốc độ tăng chung của toàn bộ hệ thống HTX, nên chất lượng hoạt động chưa được cải thiện rõ rệt về cơ cấu.

Thứ hai, nhóm HTX trung bình tăng mạnh từ 90 lên 203 HTX. Tỷ lệ tăng từ 55% lên 60%. Đây là nhóm chiếm tỷ trọng cao nhất và tăng nhanh nhất, cho thấy phần lớn HTX mới thành lập hoặc đang hoạt động vẫn còn trong giai đoạn củng cố, chưa đạt mức khá giỏi.

Thứ ba, nhóm HTX yếu, kém tăng nhẹ từ 33 lên 51 HTX, nhưng tỷ lệ giảm từ 20% xuống còn 15%. Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy công tác chấn chỉnh, củng cố hoạt động HTX yếu kém đã có hiệu quả nhất định, làm giảm tỷ trọng HTX hoạt động kém chất lượng.

Từ thực trạng hoạt động của HTXNN tỉnh Đắk Lắk như đã phân tích ở trên cho thấy, HTXNN trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã có những thay đổi cả về lượng lẫn về chất. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: Số lượng HTX có tăng lên nhưng chất lượng phát triển chưa đồng đều, số lao động trong khu vực HTX không tăng nhiều. Việc các HTX hỗ trợ thành viên chủ yếu ở khâu cung ứng đầu vào, nhưng khâu tiêu thụ sản phẩm vẫn còn nhiều hạn chế. Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích HTX còn hạn chế, khó tiếp cận. Vấn đề chuyển đổi số trong HTX còn diễn ra chậm, chưa có lộ trình, kế hoạch rõ ràng. Việc giảm tỷ lệ HTX yếu kém là một điểm sáng, nhưng tỷ lệ này vẫn còn cao (15%) và cần tiếp tục được cải thiện.

3. Những rào cản đối với sự phát triển hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk

Mặc dù, HTXNN tỉnh Đắk Lắk đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng so với mục tiêu và yêu cầu phát triển, vẫn còn tồn tại nhiều rào cản, khiến sự phát triển của HTX chưa tương xứng với tiềm năng. Các rào cản chính bao gồm:

Rào cản về nhận thức: Nhận thức của các cấp chính quyền, cơ quan chức năng và người dân về bản chất, vai trò của HTX chưa đầy đủ. Nhiều thành viên trong các HTX và cộng đồng vẫn thiếu hiểu biết về kinh tế tập thể, nhất là mô hình HTX kiểu mới, gây khó khăn trong việc thành lập và duy trì hoạt động của các HTXNN. Việc phát triển HTX tại các vùng dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn, cả về nhận thức lẫn điều kiện thực tế.

Rào cản về phát huy nội lực: Nhiều HTX có quy mô nhỏ, thiếu vốn, cơ sở hạ tầng kém và chưa ứng dụng khoa học công nghệ một cách hiệu quả. Sự thiếu hụt về nguồn lực tài chính, thành viên ít tham gia góp vốn, và khả năng huy động vốn từ các tổ chức bên ngoài khiến cho các HTX không thể đầu tư vào cơ sở vật chất, công nghệ sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, việc tiêu thụ sản phẩm còn bấp bênh, thiếu hợp đồng liên kết ổn định, chủ yếu phụ thuộc vào thương lái.

Rào cản về đổi mới công nghệ: Một số HTX đã có bước chuyển mình trong ứng dụng công nghệ vào sản xuất, nhưng vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận và áp dụng các công nghệ mới do thiếu nguồn lực, kiến thức và kỹ năng. Các HTX cũng phải đối mặt với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường và nhu cầu của khách hàng, đòi hỏi phải linh hoạt và đổi mới liên tục để duy trì tính cạnh tranh.

Rào cản về môi trường kinh doanh: Trong điều kiện thiếu vốn và nguồn nhân lực chưa đủ mạnh, các HTXNN phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp lớn, đặc biệt là

các doanh nghiệp tư nhân và đa quốc gia, có quy mô lớn, chiến lược tiếp thị hiệu quả và khả năng mở rộng thị trường tốt hơn.

Rào cản về tiếp cận chính sách: Mặc dù các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể đã được ban hành, nhưng nguồn lực để triển khai còn hạn chế, chủ yếu từ các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn sự nghiệp và các nguồn hỗ trợ không ổn định. Điều này làm giảm hiệu quả triển khai các chính sách hỗ trợ HTXNN.

Rào cản về chuyển đổi số: Quá trình chuyển đổi số trong các HTXNN diễn ra chậm, phần lớn các HTX chưa có kế hoạch rõ ràng về chuyển đổi số. Các kỹ năng sử dụng thiết bị số, xây dựng cơ sở dữ liệu, thương mại điện tử, thanh toán điện tử còn hạn chế, khiến việc áp dụng công nghệ cao vào sản xuất và quản lý gặp khó khăn.

Rào cản về công tác thanh, kiểm tra: Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của HTX chưa được thực hiện thường xuyên và hiệu quả gây khó khăn cho việc hoạch định chính sách hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm. Nhiều chính sách hỗ trợ dù đã ban hành nhưng việc triển khai còn dàn trải, thiếu giám sát, dẫn đến nguồn lực bị phân tán, hiệu quả chưa cao. Việc lồng ghép giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với phát triển HTX còn mang tính hình thức, chưa tạo ra sức bật đủ lớn. Việc phân công và phối hợp giữa các cơ quan chức năng còn thiếu chặt chẽ, khiến cho công tác giải thể các HTX ngừng hoạt động gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là vấn đề xử lý hồ sơ giải thể, nợ thuế, thất lạc hồ sơ, hay mất con dấu,...

Rào cản về sự thiếu đồng bộ trong công tác quy hoạch phát triển HTXNN gắn với vùng nguyên liệu và định hướng thị trường tiêu thụ. Nhiều HTX vẫn hoạt động một cách tự phát, thiếu liên kết với doanh nghiệp và hệ sinh thái sản xuất nông nghiệp hiện đại. Điều này dẫn đến tình trạng manh mún, thiếu khả năng cạnh tranh, không tận dụng được lợi thế về quy mô hay chuỗi giá trị nông sản. Ngoài ra, cơ chế phối hợp giữa HTX với chính quyền địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức hỗ trợ kỹ thuật, tài chính còn lỏng lẻo, thiếu cầu nối trung gian hiệu quả để thúc đẩy đổi mới mô hình hoạt động.

Rào cản về yếu tố văn hóa và tập quán canh tác nông nghiệp truyền thống, nhất là trong cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số. Tư duy sản xuất nhỏ lẻ, khép kín và tâm lý ngại thay đổi, ngại rủi ro khiến người dân chưa mặn mà với việc tham gia HTX hoặc chủ động liên kết sản xuất. Trong khi đó, các mô hình HTX kiểu mới đòi hỏi sự cam kết, chia sẻ lợi ích, minh bạch thông tin và tinh tổ chức cao – những điều còn thiếu trong nhiều mô hình hiện nay.

4. Một số hàm ý về giải pháp phát triển hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk

Sự hình thành và phát triển kinh tế tập thể nói chung và HTXNN nói riêng vận động theo quy luật khách quan, dựa trên nền tảng phát triển kinh tế hộ và nhu cầu cần thiết về hợp tác của các hộ sản xuất. Với quan điểm phát triển HTXNN ở tỉnh Đắk Lắk cần theo hướng liên kết chuỗi giá trị, gắn với đặc điểm tự nhiên, đặc trưng văn hoá tộc người, các định hướng giải pháp tháo gỡ rào cản cần giải quyết song song hai mục tiêu: i) tháo gỡ rào cản về thể chế và ii) phát huy sức mạnh nội lực của HTXNN trong bối cảnh mới. Do vậy, có thể đưa ra một số nhóm giải pháp như sau:

Một là, nhóm giải pháp nâng cao nhận thức về HTXNN

Một trong những giải pháp quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của HTXNN là nâng cao nhận thức về mô hình HTX hiện đại. Kể từ năm 2013, HTXNN ở Đắk Lắk đã có những bước chuyển mình rõ rệt, không còn giữ nguyên mô hình cũ mà đã chuyển sang mô hình HTX kiểu mới. Tuy nhiên, những thay đổi này không thể diễn ra ngay lập tức do sự tồn tại lâu dài của mô hình cũ, vì vậy việc đầu tiên cần làm là nâng cao nhận thức của cộng đồng và các thành viên trong HTX về bản chất của mô hình HTXNN kiểu mới. Khi người dân và các thành viên hiểu rõ về vai trò và đặc điểm của HTX, biết được quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân trong tổ chức này, họ sẽ nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện các nguyên tắc công bằng trong phân bổ quyền lực, lợi ích và thu nhập. Cụ thể, thu nhập sẽ được phân chia dựa trên mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc sự đóng góp lao động của từng thành viên. Điều này sẽ giúp các cá nhân trong HTX chủ động hành động vì lợi ích chung, giảm bớt tâm lý trông chờ vào sự hỗ trợ từ Nhà nước. Đồng thời, việc nâng cao nhận thức về nguyên tắc vận hành sẽ giúp các HTX hoạt động hiệu quả hơn. Khi chính quyền địa phương hiểu rõ về mô hình HTXNN, họ sẽ có những hỗ trợ thiết thực và phù hợp, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của HTX và góp phần thúc đẩy

kinh tế nông thôn. Vì vậy, nhóm giải pháp nâng cao nhận thức và hiểu biết về mô hình HTXNN không chỉ giúp người dân và các thành viên hoạt động hiệu quả, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của các HTXNN trong tương lai.

Hai là, giải pháp nâng cao năng lực và nguồn lực cho HTXNN

Để nâng cao năng lực cho các HTXNN, cần tập trung vào việc đào tạo nguồn nhân lực và củng cố các đội ngũ cán bộ quản lý ở tất cả các cấp. Việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo các HTX phải được ưu tiên, đặc biệt là đào tạo các kỹ năng quản lý, điều hành để giúp HTX hoạt động hiệu quả hơn. Đồng thời, cần chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn của các thành viên và người lao động trong HTX, đặc biệt trong các kỹ thuật sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Các chương trình tập huấn kỹ thuật về nông nghiệp công nghệ cao, về các phương pháp quản lý hiện đại sẽ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả hoạt động của HTX.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực về chuyên môn và quản lý, Nhà nước cũng cần có chính sách hỗ trợ về tài chính để tạo nguồn lực cho các HTXNN. Cần nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ phù hợp, đơn giản hóa thủ tục cho vay vốn sản xuất kinh doanh, đặc biệt là với các HTXNN. Các chính sách này cần tăng mức vay và kéo dài thời gian trả nợ để các HTX có thể huy động đủ nguồn lực phục vụ cho sản xuất và phát triển. Việc này sẽ giúp các HTX vượt qua khó khăn tài chính, đầu tư vào cơ sở vật chất, trang thiết bị, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong môi trường ngày càng cạnh tranh.

Ba là, hoàn thiện thể chế, chính sách và tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với HTXNN

Hiện nay, lĩnh vực kinh tế tập thể, trong đó có HTXNN đang nhận được sự quan tâm lớn của Trung ương và chính quyền địa phương, tuy nhiên, giữa các văn bản chỉ đạo, hỗ trợ vẫn còn những bất cập, chồng chéo, chưa rõ ràng, khó tiếp cận và áp dụng. Do vậy, cần sửa đổi các quy định bất cập của Luật Hợp tác xã năm 2012, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan theo hướng khắc phục những điểm nghẽn đang cản trở hoạt động hiệu quả của HTXNN; bảo đảm dễ hiểu, dễ áp dụng. Cụ thể như: đơn giản hóa thủ tục thành lập và hoạt động hay giải thể HTX không còn hoạt động; quy định cụ thể, rõ ràng hỗ trợ hay cho thuê đất ưu đãi đối với HTXNN; quy định hợp lý tỷ lệ vốn góp và sử dụng dịch vụ nội bộ phù hợp đối với từng loại hình HTXNN để tăng khả năng tự chủ trong huy động nguồn lực, đặc biệt làm rõ cách góp vốn bằng quyền sử dụng đất, mặt nước để làm mặt bằng xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản...

Đối với chính sách tài chính, tín dụng: Vốn đầu tư là nhu cầu cấp thiết cho hoạt động của các HTX nói chung, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp. Từ thực tế hoạt động của các HTXNN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk cho thấy rất ít các HTXNN tiếp cận được nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng. Các nguồn vốn khác từ các đoàn thể, các quỹ hỗ trợ... bị phân tán, đi thẳng theo các chương trình dự án đến hộ nông dân, trang trại gia đình, ít liên quan đến vốn HTXNN. Nguyên nhân của tình trạng trên là do các HTXNN không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có tài sản để thế chấp khi vay vốn, hoặc nếu có cũng ở dạng phân tán theo kiểu vốn góp từ các cổ phần HTX nên không đủ điều kiện vay vốn. Bên cạnh đó, có thể do năng lực của một số cán bộ quản lý yếu nên không xây dựng được các đề án sản xuất kinh doanh có hiệu quả để làm thủ tục vay vốn. Vì vậy, đối với các HTXNN, các tổ chức tài chính, tín dụng nên có hướng dẫn cụ thể cách thức xây dựng đề án sản xuất kinh doanh, thủ tục vay vốn. Khi HTXNN có đề án phát triển sản xuất kinh doanh có tính khả thi và được Ủy ban nhân dân xã thẩm định, ký xác nhận bảo lãnh thì các tổ chức tài chính tín dụng nên tạo điều kiện cho HTXNN được vay vốn (có thể khống chế mức vay tối đa) mà không cần thế chấp tài sản, hoặc cho các HTXNN vay vốn có thể chấp bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay, hoặc cho vay khi HTXNN có các hợp đồng ký kết với các công ty tiêu thụ nông sản.

Bốn là, đẩy mạnh liên kết giữa các HTXNN với nhau và các liên kết khác.

Mặc dù việc phát huy nội lực của các HTXNN là vô cùng quan trọng, nhưng sự phát triển bền vững của các HTX không thể chỉ dựa vào khả năng tự thân. Để vượt qua các rào cản và thúc đẩy sự phát triển, các HTX cần chủ động xây dựng và củng cố các mối liên kết không chỉ giữa các HTX với nhau mà còn với các thành phần kinh tế khác trong xã hội, bao gồm doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng và các cơ quan nhà nước.

Mối liên kết này cần được xây dựng trên cơ sở quyền lợi, trách nhiệm và sự bình đẳng giữa các thành viên, các tổ chức tham gia. Trong đó, mô hình liên kết chuỗi giá trị là một trong những phương thức hiệu quả mà các HTXNN có thể áp dụng để thúc đẩy sự kết nối và tăng cường sự hợp tác giữa các bên. Các HTX cần liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp để đảm bảo tiêu thụ sản phẩm, tiếp cận công nghệ, đồng thời có thể học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm trong việc tối ưu hóa quá trình sản xuất. Mối liên kết này không chỉ giúp các HTX vượt qua các khó khăn trong sản xuất mà còn tạo ra cơ hội mới, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Năm là, các giải pháp liên quan đến công nghệ và chuyển đổi số cho HTXNN

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới cho thấy chuyển đổi số là yêu cầu thực tiễn khách quan của sự phát triển đối với mọi thành phần kinh tế, trong đó có khu vực kinh tế tập thể. Chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, HTX gắn kết chặt chẽ với các chiến lược, chính sách về chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, định hướng phát triển kinh tế số và chuyển đổi số quốc gia; huy động mọi nguồn lực, phát triển theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng với các khu vực kinh tế khác. Vì vậy các HTX cần:

Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp: Các HTX cần tập trung vào việc áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Điều này có thể bao gồm việc sử dụng các thiết bị tự động hóa trong canh tác, áp dụng công nghệ IoT (Internet of Things) để giám sát, quản lý và tối ưu hóa các yếu tố sản xuất như độ ẩm, nhiệt độ, ánh sáng trong nhà kính, hay sử dụng hệ thống tưới tiêu thông minh giúp tiết kiệm nước và tối đa hóa hiệu quả sản xuất.

Chuyển đổi số trong quản lý và điều hành HTX: Việc số hóa quy trình quản lý là yếu tố quan trọng giúp các HTXNN nâng cao hiệu quả công việc. HTX có thể triển khai các phần mềm quản lý nông nghiệp, từ quản lý tài chính, nguồn lực, sản xuất đến theo dõi chất lượng sản phẩm. Các công cụ này không chỉ giúp quản lý thông tin hiệu quả mà còn hỗ trợ việc ra quyết định dựa trên dữ liệu chính xác, giảm thiểu sai sót và tối ưu hóa nguồn lực.

Tạo nền tảng giao dịch và tiêu thụ trực tuyến: Các HTX cần xây dựng các nền tảng trực tuyến để kết nối trực tiếp với thị trường và người tiêu dùng. Việc chuyển đổi sang các sàn giao dịch thương mại điện tử, kết nối sản phẩm nông sản của HTX với các doanh nghiệp, siêu thị và người tiêu dùng không chỉ giúp gia tăng doanh thu mà còn mở rộng phạm vi thị trường, tiếp cận khách hàng từ xa.

Chuyển đổi số trong đào tạo và bồi dưỡng kỹ thuật cho thành viên HTX: HTX có thể áp dụng các khóa đào tạo trực tuyến, e-learning để cung cấp kiến thức về nông nghiệp công nghệ cao, quản lý, điều hành, marketing sản phẩm. Việc này giúp nâng cao trình độ của thành viên HTX một cách thuận tiện và tiết kiệm chi phí.

Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn (Big Data) trong sản xuất: Các HTX có thể tận dụng dữ liệu lớn để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất, thị trường tiêu thụ, và nhu cầu sản phẩm. Phân tích này sẽ giúp các HTX nắm bắt được xu hướng thị trường, dự đoán sản lượng, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và điều chỉnh chiến lược sản xuất kịp thời.

Hợp tác với các công ty công nghệ: Các HTX cần thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ để tiếp cận những giải pháp phần mềm và thiết bị mới, giúp cải thiện quy trình sản xuất, quản lý tài chính, và giảm chi phí vận hành. Các công ty này cũng có thể cung cấp đào tạo về chuyển đổi số cho các cán bộ quản lý HTX.

Khuyến khích sáng tạo và đổi mới sáng tạo trong HTX: Để tạo động lực cho chuyển đổi số, các HTX cần khuyến khích các thành viên sáng tạo và cải tiến quy trình, dịch vụ thông qua các ứng dụng công nghệ. Đây cũng là cách giúp các HTX tự tin bước vào kỷ nguyên số và trở nên linh hoạt hơn trong môi trường cạnh tranh.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh công tác truyền thông, đặc biệt hoạt động truyền thông chính sách, giúp các HTXNN nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số; nhận thức đầy đủ về xu thế tất yếu, thách thức và cơ hội của chuyển đổi số.

Ủy ban nhân dân tỉnh cần tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai cơ chế chính sách, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tập thể phát triển tại địa phương. Chủ động thực hiện chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền. Đồng thời, xây dựng và nhân rộng các mô hình HTX hoạt động hiệu quả, mô hình HTX thực hiện chuyển đổi số thành công, tiết giảm chi phí, tối ưu hóa nguồn lực; liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; ứng dụng công nghệ cao và thúc đẩy chuyển đổi số.

5. Kết luận

Nhìn chung, Nhà nước và chính quyền tỉnh Đắk Lắk đã có nhiều chủ trương và chính sách quan trọng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế tập thể, trong đó có các HTXNN. Sự phát triển của các HTXNN tại Đắk Lắk hiện nay không chỉ đóng góp quan trọng vào các mục tiêu xóa đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới, mà còn giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại các khu vực nông thôn, nâng cao đời sống cho người dân. Các HTX này đang đóng vai trò là nền tảng trong việc cải thiện chuỗi giá trị nông sản, giúp kết nối sản xuất với thị trường tiêu thụ và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn vẫn còn nhiều rào cản đang ảnh hưởng đến sự phát triển mạnh mẽ và bền vững của HTXNN tại Đắk Lắk. Các rào cản này chủ yếu xuất phát từ nhận thức còn hạn chế của các thành viên, thiếu hụt năng lực tài chính, chưa ứng dụng rộng rãi công nghệ mới và thiếu khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ từ Nhà nước. Đặc biệt, vấn đề chuyển đổi số còn gặp nhiều thách thức, khiến các HTX khó có thể nâng cao năng suất, cải thiện hiệu quả quản lý và gia tăng khả năng kết nối với thị trường.

Do đó, việc thực hiện đồng bộ các giải pháp để giải quyết các vấn đề này là vô cùng cần thiết. Việc nâng cao nhận thức, cải thiện năng lực quản lý và tài chính, thúc đẩy đổi mới công nghệ, cùng với việc áp dụng chuyển đổi số vào hoạt động của các HTXNN sẽ là những yếu tố then chốt giúp tháo gỡ các khó khăn hiện tại. Chỉ khi khắc phục được những điểm nghẽn này, các HTX có thể hoạt động hiệu quả và đóng góp xứng đáng vào sự phát triển bền vững của nông thôn và nền kinh tế tỉnh Đắk Lắk.

Ghi chú: Bài viết này là sản phẩm của đề tài khoa học cấp Bộ 2025-2026: “*Quá trình phát triển kinh tế hợp tác xã vùng Tây Nguyên từ năm 2013 đến năm 2025*” do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên chủ trì thực hiện.

Tài liệu tham khảo

Liên Minh Hợp tác xã tỉnh Đắk Lắk. (2023). *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia Phát triển kinh tế hợp tác xã vùng Tây Nguyên: Rào cản và giải pháp*. Đắk Lắk.

Nguyễn Duy Thụy. (2021). *Kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk từ năm 2004 đến năm 2020*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.

Tổng cục Thống kê. (2020). *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Nxb Thống kê. Hà Nội.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. (2014). *Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk năm 2015*. Kế hoạch số 5654/KH-UBND, ngày 08/8/2014.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. (2021). *Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Đắk Lắk năm 2022*. Kế hoạch số 8010/KH-UBND.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. (2022). *Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Truy cập tại: <https://khdt.daklak.gov.vn>, ngày 10/1/2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. (2022). *Báo cáo tình hình phát triển KTTT, HTX 6 tháng đầu năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022*.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. (2024). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*.

Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk. (2023). *Danh sách sản phẩm đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tỉnh Đắk Lắk*.

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

1. Bài viết gửi đăng trên Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung phải là bài viết chưa từng được gửi đăng, đăng tải trên bất kỳ các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bài viết gửi đăng có dung lượng từ 5.000-8.000 từ, được đánh máy vi tính trên khổ giấy A4, sử dụng font chữ Times New Roman, cỡ chữ 14, cách dòng Single, các đoạn 6 pt. Trang đầu tiên của bài viết bao gồm các thông tin về tác giả: họ và tên, học hàm, học vị, cơ quan công tác, số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có từ 02 tác giả trở lên, đều phải đảm bảo đầy đủ thông tin trên).
3. Tiêu đề bài viết, tóm tắt (khoảng 100-200 từ), từ khoá phải được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh ngay sau trang thông tác giả.
4. Kết cấu bài viết được chia thành các mục, tiểu mục và cần đánh theo số thứ tự: 1. Đặt vấn đề; 2.; 2.1.; 2.1.1.; ...; n. Kết luận; Tài liệu tham khảo. Tên của mục và tiểu mục cần viết ngắn gọn, thể hiện bản chất của nội dung trình bày và không có dấu chấm ở cuối dòng.
5. Tên riêng của người, địa phương, thuật ngữ tiếng nước ngoài để nguyên văn, không phiên âm sang tiếng Việt, trừ những tên, thuật ngữ đã được Việt hoá (như Trung Quốc, Thái Lan, ...).
6. Bài viết phải đảm bảo trích dẫn đầy đủ các thông tin, số liệu, nội dung, đại ý, kết luận... (nếu tham khảo từ các tài liệu khác). Đối với các đoạn trích dẫn trong bài viết nếu trích dẫn nguyên văn thì phần trích dẫn phải được để trong dấu ngoặc kép, nếu là trích dẫn nội dung, đại ý (bao gồm cả số liệu, thông tin, kết luận, phát hiện, ... không dùng nguyên văn) thì không phải để trong dấu ngoặc kép. Cả 2 loại trích dẫn này đều được trích nguồn đầy đủ và ở dạng chữ thường.
7. Tài liệu trích dẫn được trình bày trong dấu ngoặc đơn và viết theo thứ tự sau:
 - Là tác giả Việt Nam: Họ và tên tác giả, năm xuất bản, số trang (nếu có). Ví dụ (Nguyễn Văn A, 2011, 10).
 - Là tác giả nước ngoài: Họ tác giả, năm, số trang (nếu có). Ví dụ (Stiglitz, 1986).
8. Chú thích được trình bày trong dấu ngoặc đơn và đánh số thứ tự 1, 2, 3. Nội dung của chú thích được trình bày ở cuối bài viết bằng mục Chú thích và đặt tên tài liệu tham khảo. Ví dụ: Vũng Nam Trung Bộ⁽¹⁾. Cuối bài viết trình bày:

Chú thích:

(1) Vũng Nam Trung Bộ bao gồm 8 tỉnh/thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.

9. Tài liệu tham khảo được trình bày theo chuẩn quốc tế APA và được sắp xếp theo thứ tự Alphabet.

+ Đối với tài liệu là bài báo trong các tạp chí:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí*, số quyển (số phát hành), số trang.

Ví dụ: Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B (2024). Phát triển kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, 1(82), 3-10.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí*, số quyển (số phát hành), số trang. Ví dụ: Wang, S., Wang, J., Shen, W., & Wu, H. (2023). The evaluation of tourism service facilities in Chinese traditional villages based on the living protection concept: Theoretical framework and empirical case study. *Journal of Asian Architecture and Building Engineering*, 22(1), 14-31.

+ Đối với tài liệu là sách:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (chủ biên). (2024). *Giáo trình kinh tế phát triển*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản. Ví dụ: Chang, H. J. (Ed.). (2003). *Rethinking development economics* (Vol. 1). Anthem Press.

+ Đối với tài liệu là bài đăng trên kỷ yếu hội thảo:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (Số trang). Nơi xuất bản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2024). Điều chỉnh tỷ giá thị trường. *Hội thảo phát triển kinh tế miền Trung* (10-20). Đà Nẵng.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (số trang). Nơi xuất bản. Ví dụ: Kremer, M., Rao, G., & Schilbach, F. (2019). Behavioral development economics. In *Handbook of behavioral economics: applications and foundations 1* (Vol. 2, pp. 345-458). North-Holland.

+ Đối với tài liệu là bài đăng trên internet:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập.

Ví dụ: Minh Ngọc (2024). *FDI tháng 5/2024: Vốn điều chỉnh đạt mức tăng ấn tượng*. Truy xuất từ <https://baochinhphu.vn/fdi-thang-5-2024-von-dieu-chinh-dat-muc-tang-an-tuong-102240528083927875.htm>, ngày 10/5/2024.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập. Ví dụ: Lund, C. (2023). *The Effects of Mental Health Interventions on Labor Market Outcomes in Low- and Middle-Income Countries*. Truy xuất tại <https://www.nber.org/papers/w32423>, ngày 10/5/2024.

10. Xin gửi bản thảo bài viết qua địa chỉ email: tckhxhmienntrung@gmail.com

Lưu ý: Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung chỉ nhận bài viết đáp ứng đúng thể lệ gửi bài trên.

Thông tin liên hệ:

Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3962.510

Website: <https://isscr.vass.gov.vn> hoặc <https://vjol.info.vn/index.php/isscr/index>

GIÁ: 30.000 đồng

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3962.510

Email: tckhxmientrung@gmail.com